| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN C**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2021/KDTM-ST
Ngày 27-9-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Hồng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân*: ồng

Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2021/TLST-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 171/2021/QĐXXST–KDTM ngày 02 tháng 6 năm 2021 và các thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH MTV Lương Thực HT (sau đây gọi tắt là Công ty HT); địa chỉ: 79/22 Lê Thị Riêng, phường TA, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lưu Thị Yến H, sinh năm 1969 – Giám đốc chi nhánh Công ty HT ĐT; địa chỉ: 28 Lô F, khóm Tân Thuận, phường AH, thành phố SĐ, tỉnh ĐT (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Nông nghiệp TNV; đại diện hợp pháp ông Lê Ngọc Nhanh – chức vụ Giám đốc; địa chỉ: Số 360, ấp Long An, xã OLV, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Lương Thực HT là bà Lưu Thị Yến H trình bày:*

Ngày 05/11/2019 chi nhánh Công ty HT (ĐT) có ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 12/2019/HĐHT với Công ty TNHH MTV Nông nghiệp TNV, với nội dung: Hai bên thống nhất cùng nhau hợp tác trồng lúa và mua bán giống lúa "Đài Thơm 8" canh tác theo tiêu chuẩn "Sản xuất lúa gạo bền vững" theo chuẩn (SRP) của Công ty HT. Địa điểm thực hiện là tại xã OLV, huyện C, tỉnh An Giang. Thời hạn thực hiện hợp đồng là mùa vụ Đông Xuân năm 2020 với diện tích canh tác là 150ha. Đơn giá lúa giống là 16.000đ/kg và sẽ được khấu trừ khi Chi nhánh HT tổ chức thu hoạch lúa và kết thúc vụ sản xuất. Trước khi thu hoạch lúa 10 ngày hai bên sẽ chốt giá thu mua của nông dân theo thị trường tại thời điểm thu hoạch, sau đó Chi nhánh sẽ lấy mẫu gửi Trung tâm kiểm định kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Đồng thời, Chi nhánh HT sẽ tạm ứng cho ông Nhanh nhận tiền hỗ trợ vật tư nông nghiệp là 1.000.000đ/ha để hỗ trợ nông dân sản xuất lúa.

Ngày 25/11/2019 Chi nhánh HT đã giao 22.340kg lúa giống Đài Thơm 8 (tương đương số tiền 357.440.000 đồng) cho ông Nhanh nhận. Đến ngày 08/01/2020, ông Nhanh đã nhận của Chi nhánh HT số tiền hỗ trợ vật tư nông nghiệp là 150.000.000 đồng (việc giao nhận lúa giống và giao nhận tiền có làm biên nhận).

Đến tháng 3/2020, Chi nhánh HT có tiến hành khảo sát và lấy mẫu kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong lúa, gạo thì kết quả không đáp ứng tiêu chuẩn SRP mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Qua tìm hiểu được biết khi nhận lúa giống và tiền hỗ trợ thì ông Nhanh không giao cho các hộ dân như đã thỏa thuận để đảm bảo sản lượng thu mua của chi nhánh khi thu hoạch. Ông Nhanh còn báo cáo khống số liệu lúa và tiền đã giao cho các hộ dân.

Đến ngày 25/3/2020 Chi nhánh HT đến trụ sở Công ty TNV để liên lạc thì không liên lạc được với ông Nhanh. Đến ngày 04/4/2020, ông Nhanh đã giao cho Chi nhánh HT thu hồi được 8.200kg lúa giống và thừa nhận việc ông Nhanh đã không giao lúa giống và tiền cho các hộ dân. Hiện nay ông Nhanh còn chiếm giữ của Chi nhánh Công ty HT số tiền 165.003.000 đồng.

Nay yêu cầu Công ty TNHH MTV Nông Nghiệp TNV trả cho Công Ty TNHH MTV lương thực HT số tiền 165.003.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Công ty TNHH Nông nghiệp TNV; đại diện hợp pháp ông Lê Ngọc Nhanh vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh; Quyết định các ngành nghề kinh doanh; Giấy ủy quyền ngày 19/5/2020; Giấy ủy quyền ngày 01/01/2019; Hợp đồng hợp tác kinh doanh; Bảng giao nhận lúa giống; Biên nhận; Biên bản xác nhận nợ bản chính; Biên bản xác nhận không giao lúa giống cho các hộ dân; Công văn phúc đáp của Sở kế hoạch & đầu tư.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về kinh doanh thương mại - hợp đồng mua bán; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do, Tòa án đã tống đạt đúng quy định các văn bản tố tụng, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 05/11/2019 chi nhánh Công ty HT (ĐT) có ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH MTV Nông nghiệp TNV, theo đó, hai bên thống nhất cùng nhau hợp tác trồng lúa và mua bán giống lúa "Đài Thơm 8" canh tác theo tiêu chuẩn "Sản xuất lúa gạo bền vững" (SRP) của Công ty HT. Các bên thỏa thuận về địa điểm thực hiện hợp đồng, phương thức giao nhận lúa giống, tạm ứng chi phí hỗ trợ vật tư.

Quá trình thực hiện hợp đồng ngày 25/11/2019 Chi nhánh Công ty HT đã giao 22.340kg lúa giống Đài Thơm 8 (tương đương số tiền 357.440.000 đồng) cho ông Nhanh nhận. Đến ngày 08/01/2020, ông Nhanh đã nhận của Chi nhánh Công ty HT số tiền hỗ trợ vật tư nông nghiệp là 150.000.000 đồng.

Đến tháng 3/2020, Chi nhánh HT có tiến hành khảo sát và lấy mẫu kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong lúa, gạo thì kết quả không đáp ứng tiêu chuẩn SRP mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Qua tìm hiểu được biết khi nhận lúa giống và tiền hỗ trợ thì ông Nhanh không giao cho các hộ dân như đã thỏa thuận để đảm bảo sản lượng thu mua của chi nhánh khi thu hoạch. Ông Nhanh còn báo cáo khống số liệu lúa và tiền đã giao cho các hộ dân.

Ngày 04/4/2020, ông Nhanh đã giao cho Chi nhánh HT thu hồi được 8.200kg lúa giống và thừa nhận việc không giao lúa giống và tiền cho các hộ dân. Hiện nay ông Nhanh còn chiếm giữ của Chi nhánh Công ty HT số tiền 165.003.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận định: Giao dịch mua bán lúa giống giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, có nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005, nên làm phát sinh, quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do phía bị đơn không đáp ứng tiêu chuẩn SRP mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, nên ngày 23/3/2020 đại diện Công ty TNHH MTV Nông nghiệp TNV xác nhận trả lại cho Công ty HT số tiền 387.440.000 đồng, ngày 04/4/2020 Công ty TNHH MTV Nông nghiệp TNV đã trả lại 8.200kg lúa giống, và ký biên bản thừa nhận còn nợ Công ty HT 165.003.000 đồng, cam kết trả nhưng không trả. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải số tiền 165.003.000 đồng là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ nên Công ty TNHH MTV Nông nghiệp TNV phải chịu 8.250.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Với yêu cầu được chấp nhận Công ty HT được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 430 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 24 Luật thương mại năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Lương Thực HT đối với bị đơn Buộc Công ty TNHH MTV Nông nghiệp TNV:

- Buộc Công ty TNHH MTV Nông nghiệp TNV – do ông Lê Ngọc Nhanh làm giám đốc phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH HT số tiền 165.003.000 đồng.

- Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH MTV Nông nghiệp TNV – do ông Lê Ngọc Nhanh làm giám đốc phải chịu 8.250.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH MTV lương thực HT được nhận lại 8.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008682 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Bờ Nguyễn Hoàng Tuấn** **Lê Thị Hồng Thi**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Giữ** **Nguyễn Hoàng Tuấn** **Lê Thị Hồng Thi**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**NAM**
**HUYỆN C**
TỈNH AN GIANG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*C, ngày 26 tháng 01 năm 2015*

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về "T/c về ly hôn", giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984
2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: "tranh chấp về ly hôn": Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.
- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bán án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

| Các Hội thẩm nhân dân | | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa |
|---|---|---|
| Trần Nghi Bình | Huỳnh Công Tấn | Ngô Ngọc Phỉ |